TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2023
V/v t*ranh chấp:"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH TIỀN GIANG
Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đặng Thuỵ Thuỳ Nga
2. Ông Huỳnh Văn Phó

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục -Thư ký toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 725/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Phạm Thị Trúc L, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: 164/TP ấp TP, xã BT, huyện BT, tỉnh Bến Tre

**Bị đơn*: Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn ngày 05/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Trúc L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2012. Có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào năm 2012. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến lúc chị sinh con thì tình cảm vợ chồng không còn, nguyên nhân do anh T hay kiếm chuyện đánh đập chị, chị đã về nhà mẹ ruột tại Bến Tre sống từ tháng 12 năm 2012 và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm không còn, không

thể kéo dài cuộc sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Mạnh T1, sinh ngày 22/4/2012. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gởi Tòa án.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về chấp hành qui định của pháp luật tố tụng nguyên đơn thực hiện đúng qui định, bị đơn chưa thực hiện đúng qui định về quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L xin ly hôn với anh T, giao con chung cho chị L nuôi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung: Xét thấy, chị Phạm Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 147 ngày 05/11/2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị L trình bày là do anh T thường kiếm chuyện đánh đập chị và không quan tâm chăm sóc vợ con. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ, anh chị phát sinh mâu thuẫn và đã đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay và từ lúc ly thân đến nay anh chị cũng không liên lạc với nhau để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Anh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gởi tòa

án, chứng tỏ anh T không có thiện chí đoàn tụ với chị L, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Mạnh T1, sinh ngày 22/4/2012 , chị L yêu cầu được nuôi con. Xét cháu T1 hiện đang sống với chị L và nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ, đồng thời từ lúc vợ chồng sống ly thân đến nay, anh T cũng không tới lui quam tâm chăm sóc con, cháu T1 sống với chị L đã ổn định, do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu cần để chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: chị L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Trúc L.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Mạnh T1, sinh ngày 22/4/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0021036 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị L đã nộp xong án phí.

Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang,;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thân Cửu Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Phan Thị Kim Hà